TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST Ngày10 tháng 8 năm 2023 *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Luận;

Ông Trần Minh Phương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Quản Thành T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Phú X, phường Kim C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Phú X, phường Kim C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Hiện trú tại: Úc. Vắng mặt;

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án nguyên đơn anh Quản Thành T trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H năm 2001 có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim C (nay là UBND phường Kim C, thành phố Bắc Ninh.

Năm 2013, hai vợ chồng cùng sang Úc làm ăn, trong thời gian này thường xuyên mâu thuẫn. Đến năm 2019 anh về Việt Nam nhưng chị H vẫn ở lại Úc. Từ đó đến nay, anh đã nhiều lần khuyên chị H về nước nhưng chị không đồng ý. Hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc tin tưởng lẫn nhau. Hiện nay anh và chị H không còn liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị H.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Quản Ngọc K sinh ngày 19/03/2003 và cháu Quản Thành Vinh sinh ngày 19/04/2009, hiện nay các cháu

đang ở với chị H tại Úc. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung vợ chồng gồm: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 23, diện tích 180m^2 tại Kim C, thành phố Bắc Ninh được UBND thành phố Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/07/2013. Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 04, diện tích 115,8m^2 tại phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, được UBND thị xã Bắc Ninh (nay là UBND thành phố Bắc Ninh) cấp ngày 14/12/2005.

- Công nợ: Năm 2013, vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị Kim D, địa chỉ 47 phố Lãn Ông, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Khi ly hôn anh chưa đề nghị tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

**Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H* hiện đang lao động tại Úc. Tòa án đã tiến hành làm việc với bố chị H là ông Nguyễn Khắc B thì được ông Bảo cung cấp: Hiện nay chị Hiền đang lao động ở Úc, chị H chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông đã thông báo cho chị H biết việc anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và ông thay chị H nhận các văn bản của Tòa án. Tuy nhiên, chị H không cung cấp địa chỉ cho ông và cũng không gửi văn bản từ Úc về cho Tòa án. Chị H có trao đổi với ông là đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không có mặt nên Tòa án không tiến hành được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; anh T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chị H không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh T.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân : Cho anh Quản Thành T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

- Con chung: Giao cháu Quản Thành Vinh sinh ngày 19/04/2009 cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng.

- Tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Quản Thành T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Phú X, phường Kim C, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; hiện trú tại: Úc. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho chị Hiền nhưng không thể xác định địa chỉ chị H và chị H cũng không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T.

Tòa án đã tiến hành thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc ly hôn giữa anh Quản Thành T và chị Nguyễn Thị Thu H, anh T có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Quản Thành T và chị Nguyễn Thị Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội D vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Quản Thành T và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn ngày 17/12/2001 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh Quản Thành T và chị Nguyễn Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng sang Úc làm ăn thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, anh T về Việt Nam nhưng chị H vẫn ở lại Úc. Từ đó đến nay, anh T nhiều lần khuyên chị H về nước nhưng chị H không đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Quản Thành T thấy: Thời gian vợ chồng không chung sống cùng nhau là hơn 3 năm, trong thời gian này hai bên không liên lạc nói chuyện với nhau nên mâu thuẫn giữa vợ chồng không được hòa giải, hàn gắn mà ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng nên được chấp nhận.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Quản Ngọc K sinh ngày 19/03/2003 (đã trưởng thành) và cháu Quản Thành Vinh sinh ngày 19/04/2009. Cháu Quản Thành Vinh hiện đang ở với chị Hiền tại Úc, anh Tấn cũng có nguyện vọng cho cháu Vinh tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ: Do đương sự không yêu cầu không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Anh Quản Thành T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 38, 39, 147, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Quản Thành T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Con chung: Giao cháu Quản Thành Vinh sinh ngày 19/04/2009 cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có các quy định khác từ pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Quản Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tại biên lai thu số: AA/2017/0004741 ngày 28/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Hoàn trả anh Quản Thành T 42.000.000đ đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: AA/2017/0004741 ngày 28/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Kim C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyết Mai